

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023**

CÔNG TY

M.S.D.N.07  
CỘNG  
CỘNG  
HÀ NỘI

---

Tháng 3 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 54

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc/Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng Ban
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/05/2023
Bà Đậu Thị Lý	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 19/05/2023
Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 19/05/2023

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,



**Phạm Minh Thắng**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 54 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo. Công ty Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM đang hợp tác với Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh để thực hiện “Dự án xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư tại ô đất C13/DD2 (nay là ô đất H1/ODK2)” thuộc phường Trần Phú quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội”. Dự án đầu tư này đang trong quá trình đề nghị các cơ quan ban ngành chấp thuận chủ trương, phương án.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 27/03/2023.



Nguyễn Minh Long  
Phó Tổng giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Minh Thắng  
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.214.117.529.930</b>	<b>821.003.580.348</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>186.196.786.544</b>	<b>72.857.962.923</b>
Tiền	111		78.196.786.544	31.357.962.923
Các khoản tương đương tiền	112		108.000.000.000	41.500.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>104.620.407.487</b>	<b>83.288.003.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		723.320.938	723.320.938
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(143.175.938)	(435.317.938)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.1	104.040.262.487	83.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>809.414.896.009</b>	<b>535.120.948.675</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	773.365.334.735	429.608.842.347
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	24.936.143.053	89.080.199.692
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	6.000.000.000	5.732.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	75.979.576.065	51.921.358.247
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(70.866.157.844)	(41.221.451.611)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>108.831.975.292</b>	<b>123.929.814.709</b>
Hàng tồn kho	141		108.831.975.292	123.929.814.709
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.053.464.598</b>	<b>5.806.851.041</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	328.864.512	566.663.541
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.946.821.600	5.240.187.500
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	777.778.486	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>606.996.536.132</b>	<b>323.872.201.017</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>63.114.765.957</b>	<b>6.052.500.000</b>
Trả trước cho người bán dài hạn	212		13.000.000.000	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	2.900.000.000	6.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	47.214.765.957	52.500.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>89.960.658.765</b>	<b>69.610.424.937</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	79.480.726.090	65.728.988.585
- Nguyên giá	222		169.592.550.506	150.193.474.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(90.111.824.416)	(84.464.486.325)
Tài sản cố định vô hình	227	15	10.479.932.675	3.881.436.352
- Nguyên giá	228		16.865.954.337	10.262.199.565
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.386.021.662)	(6.380.763.213)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>16</b>	<b>8.420.642.762</b>	<b>5.568.361.635</b>
- Nguyên giá	231		18.171.592.354	6.744.124.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.750.949.592)	(1.175.762.696)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>1.568.938.941</b>	<b>1.082.965.521</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.568.938.941	1.082.965.521
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>120.839.462.375</b>	<b>234.876.137.896</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		36.947.464.014	117.755.454.700
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		89.349.133.000	123.357.748.457
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.457.134.639)	(6.237.065.261)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>323.092.067.332</b>	<b>6.681.811.028</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	322.918.698.433	6.453.124.855
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		173.368.899	228.686.173
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.821.114.066.062</b>	<b>1.144.875.781.365</b>

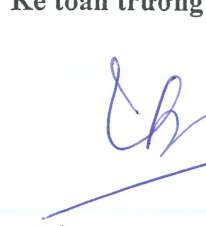


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
*Tại ngày 31/12/2023*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>668.957.131.977</b>	<b>233.436.735.540</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>584.576.962.684</b>	<b>224.393.950.817</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	474.894.502.331	152.545.358.544
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	20.148.249.408	15.031.379.527
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	18.370.720.137	5.207.201.822
Phải trả người lao động	314		9.697.835.428	6.042.923.497
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	714.862.703	3.883.988.415
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	6.033.264.089	1.314.471.982
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	4.840.328.424	11.135.254.015
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	42.456.036.515	20.251.200.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	2.295.434.584	2.639.081.476
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.125.729.065	6.343.091.539
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>84.380.169.293</b>	<b>9.042.784.723</b>
Phải trả dài hạn khác	337	23	9.881.829.700	2.591.698.900
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341	24	66.565.854.600	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	7.932.484.993	6.451.085.823
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.152.156.934.085</b>	<b>911.439.045.825</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>1.152.156.934.085</b>	<b>911.439.045.825</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		822.900.770.000	587.788.430.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		822.900.770.000	587.788.430.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	85.409.783.716
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.410.255.576	41.410.255.576
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.200.000.000	5.200.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		123.393.429.070	166.376.331.752
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		45.741.484.317	135.069.228.235
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		77.651.944.753	31.307.103.517
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		190.252.479.439	25.254.244.781
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.821.114.066.062</b>	<b>1.144.875.781.365</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu  
  
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng  
  
Đâu Thị Lý

Tổng Giám đốc  
  
Phạm Minh Thắng  


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	980.089.882.652	863.331.702.038
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	240.000	48.264.438
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		980.089.642.652	863.283.437.600
Giá vốn hàng bán	11	30	786.357.957.034	722.791.207.416
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		193.731.685.618	140.492.230.184
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	53.193.595.824	48.086.805.403
Chi phí tài chính	22	32	8.845.254.355	38.592.073.824
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.715.807.784	38.307.770.019
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.785.833.428)	75.661.559
Chi phí bán hàng	25	33	46.289.273.562	44.995.293.772
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	92.865.234.126	57.631.718.055
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		97.139.685.971	47.435.611.495
Thu nhập khác	31	34	980.262.758	943.499.208
Chi phí khác	32	35	1.226.623.095	1.856.029.419
Lợi nhuận khác	40		(246.360.337)	(912.530.211)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		96.893.325.634	46.523.081.284
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	9.434.781.937	9.095.111.084
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		3.137.707.645	55.317.273
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		84.320.836.052	37.372.652.927
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		77.651.944.753	31.307.103.517
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.668.891.299	6.065.549.410
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	1.303	605
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	39	1.303	605

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024


Người lập biểu

  
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

  
Đặng Thị Lý

Tổng Giám đốc

  
Phạm Minh Thắng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

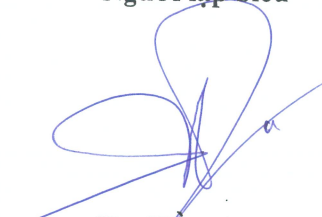
Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>	<b>96.893.325.634</b>	<b>46.523.081.284</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	7.422.795.548	6.201.226.351
Các khoản dự phòng	03	29.710.385.889	989.183.629
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	772.479.766	(167.118.966)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(47.678.165.733)	(64.044.959.133)
Chi phí lãi vay	06	3.715.807.784	38.307.770.019
Các điều chỉnh khác	07	-	(2.400.000.000)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>90.836.628.888</b>	<b>25.409.183.184</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(314.897.710.350)	6.892.782.816
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	931.322.962	10.819.833.674
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	331.247.812.734	(96.014.252.646)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(573.882.970)	(2.902.751.120)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	(723.320.938)
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.715.807.784)	(38.307.770.019)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.937.078.606)	(8.293.012.691)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	481.085.438
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.057.159.443)	(1.353.345.409)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>95.834.125.431</b>	<b>(103.991.567.710)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.321.482.463)	(5.341.392.727)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.063.750.000	2.707.867.511
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(200.718.000.000)	(15.560.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	224.133.000.000	4.600.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(21.000.000.000)	(13.400.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.670.000.000	10.372.147.500
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.153.484.121	43.337.928.025
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>5.980.751.658</b>	<b>26.716.550.309</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023


Chỉ tiêu	Mã	Thuyết	Năm 2023	Năm 2022
	số	minh	VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.500.000.000	2.432.938.536
Tiền thu từ đi vay	33		164.498.423.703	45.950.073.358
Tiền trả nợ gốc vay	34		(152.941.587.188)	(52.764.801.407)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.546.504.504)	(142.159.140)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>11.510.332.011</b>	<b>(4.523.948.653)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>113.325.209.100</b>	<b>(81.798.966.054)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>72.857.962.923</b>	<b>154.654.621.594</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		13.614.521	2.307.383
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>186.196.786.544</b>	<b>72.857.962.923</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

  
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

  
Đâu Thị Lý

Tổng Giám đốc



  
Phạm Minh Thắng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 07 năm 2003 và các Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 30 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/01/2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 30 ngày 12/01/2024 của Công ty là: 822.900.770.000 (Tám trăm hai mươi hai tỷ, chín trăm triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.). Tương đương 82.290.077 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty có mã giao dịch là ELC và được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 236 người (tại ngày 31/12/2022 là 241 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

**1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2023 bao gồm:

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY**

- Thông tin chi tiết về công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

*Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:*

<b>Tên công ty con trực tiếp</b>	<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội,	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt các hệ thống, dây truyền công nghệ cao;	100%	100%
Công ty CP Elcom Plus	Tầng 5, tòa nhà Elcom ngõ 15 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng	93%	93%
Công ty CP Elcom Prime	Tầng 6, Tòa nhà Fimexco, 231-233 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Xuất bản phần mềm, sản xuất linh kiện điện tử	70%	70%
Công ty CP Tập đoàn Thương mại Hà Nội	Tầng 6, số 18 Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Sản xuất kinh doanh linh kiện điện tử phần mềm, bất động sản	68,68%	68,68%
Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	Số 18 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Sản xuất kinh doanh phần mềm máy tính, dịch vụ cho thuê văn phòng	50,5%	50,5%

*Danh sách các công ty con kiểm soát gián tiếp:*

<b>Tên công ty con trực tiếp</b>	<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>
Công ty CP Đầu tư Smartek (Công ty con của Công ty CP Elcom Plus)	Tầng 04, TT Ươm tạo & Đào tạo Công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xuất bản phần mềm	74,4%	74,4%

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông Elcom đã tăng tỷ lệ sở hữu của mình tại Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam từ 35,4% lên 50,5%. Theo đó, từ ngày 31/10/2023, Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam chính thức trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông Elcom.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

- Thông tin chi tiết về công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	Số 91, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, Phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam	Khai thác quặng kim loại	42,97%	42,97%
Công ty CP Công nghệ VFT	Đường 72, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất, bán các hệ thống viễn thông và phát triển phần mềm	41,58%	41,58%

- Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<b>Tên đơn vị trực thuộc</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Lắp đặt dịch vụ Viễn Thông
Văn phòng đại diện Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	Đại diện Công ty giao dịch với khách hàng

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

#### 3.1 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong các hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh thích hợp để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với Công ty con và giữa công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

#### Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi công ty thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát: Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty mẹ và các Công ty con trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty và các công ty con có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các công ty con thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty và các công ty con khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3.3 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

### 3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh tức là được Công ty mua vào, bán ra để kiếm lời. Công ty đang nắm giữ các loại chứng khoán kinh doanh gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng... Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được. Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi hoặc ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm trao đổi nếu tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi hoặc ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm trao đổi nếu tại ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý trên thị trường thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Trường hợp chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch hoặc đã niêm yết trên thị trường mà không có giá giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng hoặc tại ngày trích lập dự phòng, chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch thì việc xác định mức trích lập dự phòng tương tự như trường hợp đầu tư vào các đơn vị kinh tế khác.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25
- Máy móc, thiết bị	03 - 08
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

### 3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính

### 3.10 GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

#### Nguyên giá

Là bất động sản là nhà cửa vật kiến trúc nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá mà không phải để:

- Sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc
- Bán trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường.

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty đánh giá giảm nguyên giá bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán.

### **3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí dự án Từ Liêm và chi phí dự án khác.

Chi phí dự án Từ Liêm là chi phí liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Thời gian thực hiện đến 31/12/2028.

Chi phí dự án khác là chi phí đo đạc, thiết kế..... để thực hiện xây dựng trung tâm thương mại 18 Ngọc Khánh theo quy hoạch. Dự án đang được triển khai.

### **3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.

Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho và các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thực tế phát sinh.

### **3.13 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân Đội.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

### **3.14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân Đội.

### **3.15 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay.

### **3.16 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **3.17 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Dự phòng phải trả của Công ty phản ánh các khoản Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa.

### *Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa*

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa bằng 5% trên giá trị công trình. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc liên quan đến các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

### **3.18 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước: Số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

### **3.19 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được Ủy ban chứng khoán chấp thuận.

### **3.20 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ

#### *Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **3.21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 3.22 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

#### Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 3.23 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, giao dịch và số dư của các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	2.274.301.529	617.140.757
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	75.922.485.015	30.740.822.166
- Các khoản tương đương tiền	108.000.000.000	41.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>186.196.786.544</b>	<b>72.857.962.923</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	104.040.262.487	104.040.262.487	83.000.000.000	83.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	104.040.262.487	104.040.262.487	83.000.000.000	83.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	84.730.000.000	84.730.000.000	32.000.000.000	32.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thăng Long	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000	46.000.000.000	46.000.000.000
	9.310.262.487	9.310.262.487	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	104.040.262.487	104.040.262.487	83.000.000.000	83.000.000.000

**5.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Phần chia lãi/lỗ trong công ty liên kết vốn chủ sở hữu phương pháp theo VND	Giá gốc VND	Phần chia lãi/lỗ trong công ty liên kết vốn chủ sở hữu phương pháp theo VND
+ Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	17.360.740.000	(11.521.107.722)	5.839.632.278	17.360.740.000 (11.519.269.342)
+ Công ty CP Công nghệ VFT	20.535.913.966	10.571.917.770	31.107.831.736	9.617.863.966 10.571.917.770
+ Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	-	-	-	91.031.000.000 693.202.306
Cộng	37.896.653.966	(949.189.952)	36.947.464.014	118.009.603.966 (254.149.266)
				117.755.454.700

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**5.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào đơn vị khác	89.349.133.000	(5.457.134.639)	(*)	123.357.748.457
+ Công ty CP Phát triển Đông Dương Xanh	28.590.000.000	(2.046.855.088)	(*)	28.590.000.000
+ Công ty CP tư vấn HT Viễn thông	6.000.000.000	-	(*)	6.000.000.000
+ Công ty CP Giải pháp CN truyền thông đa phương tiện Sáng kiến	-	-	(*)	2.148.349.500
+ Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	115.000.000	-	(*)	115.000.000
+ Công ty CP Đầu tư & Phát triển Thăng Long Xanh	360.000.000	(360.000.000)	(*)	360.000.000
+ Công ty CP Trung Văn	26.985.200.000	(912.247.568)	(*)	26.985.200.000
+ Công ty CP Atani Holdings	14.734.933.000	(1.253.577.453)	(*)	14.734.933.000
+ Công ty CP ISK	4.674.000.000	(787.463.620)	(*)	-
+ Dự án Trần Phú - Công ty CP Đầu tư & PT Thăng Long Xanh (1)	-	-	(*)	37.771.500.000
+ Dự án Thanh Trì - Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thanh Trì (2)	-	-	(*)	5.862.765.957
+ Công ty TNHH Luckybest Việt Nam	390.000.000	(96.990.910)	(*)	390.000.000
+ Dự án quán lý xe buýt - Công ty CP Transmedia	-	-	(*)	400.000.000
+ Công ty CP Viettronics Vĩnh Phúc (3)	7.500.000.000	-	(*)	-
<b>Cộng</b>	<b>89.349.133.000</b>	<b>(5.457.134.639)</b>	<b>(*)</b>	<b>123.357.748.457</b>
				<b>(6.237.065.261)</b>
				<b>(*)</b>

Ghi chú: Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**5.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)**

(1) Đây là khoản góp vốn hợp tác đầu tư để thực hiện “Dự án xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư tại ô đất C13/DD2 (nay là ô đất H1/ODK2)” thuộc phường Trần Phú quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ngày 20/06/2011 ký với Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh. Theo biên bản thỏa thuận số 301222/BBTT/ELCOM-TLX ngày 30/12/2022 giữa Công ty CP Công nghệ - Viện thông Elcom và Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh, thời gian hợp tác đầu tư tiếp tục từ ngày 31/12/2022 đến ngày 31/12/2028.

Vào ngày 09/01/2024, liên danh Công ty CP Công nghệ - Viện thông Elcom - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh đã có văn bản số 13/TTtr về việc đề nghị UBND thành phố Hà Nội cho phép nhà đầu tư được điều chỉnh mục tiêu “xã hội hóa đầu tư xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư” sang mục tiêu “đầu tư xây dựng nhà ở xã hội” tại ô đất H1/ODK2, phường Trần Phú, quận Hoàng Mai theo hình thức nhận chuyển nhượng, nhận vốn góp bằng tiền sử dụng đất, mua tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở càng gia tăng của người dân.

Ngày 16/01/2024, Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã có văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, theo đó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội - Tô trường Tô công tác đặc biệt của UBND thành phố đã có ý kiến chỉ đạo giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Sở, ngành Thành có liên quan kiểm tra, rà soát, xem xét nội dung đề xuất, kiến nghị của liên danh Công ty CP Công nghệ - Viện thông Elcom - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh. Công ty CP Công nghệ - Viện thông Elcom nhận định rằng dự án có khả năng triển khai thực hiện, đồng thời khoản hợp tác đầu tư không bị tổn thất. Năm 2023, Công ty đã thực hiện điều chỉnh khoản góp vốn này sang khoản mục phải thu dài hạn khác (trình bày tại thuyết minh số 9. Phải thu khác) cho phù hợp hơn về bản chất.

(2) Đây là khoản hợp tác đầu tư số 01/2014/HTĐT/ELCOM-BDSTHANHJIET ngày 11/12/2014 giữa Công ty CP Công nghệ - Viện thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì để thực hiện “Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và chức năng khác tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội” giữa Công ty CP Công nghệ - Viện thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì.

Theo nghị quyết số 01-12/2022/BB-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty CP Công nghệ - Viện thông Elcom ngày 21/12/2022, Hội đồng quản trị Công ty CP Công nghệ - Viện thông Elcom thông qua thoả 100% vốn góp của Công ty tại “Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và chức năng khác tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội” giữa Công ty CP Công nghệ - Viện thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	773.365.334.735	64.567.812.796	429.608.842.347	34.959.606.563
- Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	53.632.715.176	-	58.132.715.176	-
- Công ty CP N.D.C	56.223.631.956	-	80.727.070.580	-
- Tập đoàn viễn thông Quân đội Viettel	165.889.012.218	17.846.327.583	24.176.690.322	17.846.327.583
- Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT-Net)	15.534.200.000	15.534.200.000	15.534.200.000	4.660.260.000
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Thép Nam Phát	158.229.185.514	-	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Phú Hưng Long	40.002.822.644	-	-	-
- Các đối tượng khác	283.853.767.227	31.187.285.213	251.038.166.269	12.453.018.980
<b>Cộng</b>	<b>773.365.334.735</b>	<b>64.567.812.796</b>	<b>429.608.842.347</b>	<b>34.959.606.563</b>

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 41.3

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	24.936.143.053	-	89.080.199.692	-
- Nguyễn Thị Lệ Thủy (1)	-	-	5.980.000.000	-
- Ngô Ngọc Hà (1)	-	-	2.990.000.000	-
- Trần Hùng Giang (1)	-	-	4.030.000.000	-
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật DELTATECH	2.540.872.250	-	2.840.872.250	-
- Các đối tượng khác	22.395.270.803	-	73.239.327.442	-
b) Dài hạn	13.000.000.000	-	-	-
- Nguyễn Thị Lệ Thủy (1)	5.980.000.000	-	-	-
- Ngô Ngọc Hà (1)	2.990.000.000	-	-	-
- Trần Hùng Giang (1)	4.030.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>37.936.143.053</b>	<b>-</b>	<b>89.080.199.692</b>	<b>-</b>

(1) Đây là khoản ứng trước cho các cá nhân là chủ sở hữu của các lô đất thuộc "Dự án xây dựng khu dịch vụ cửa hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội". Theo biên bản thỏa thuận hợp tác số 31/222/BBTT-ELCOM ngày 31/12/2022, các bên thống nhất thời gian hợp tác tiếp tục từ ngày 31/12/2022 đến ngày 31/12/2028. Sau thời gian nêu trên, nếu dự án không được triển khai vì bất kỳ lý do gì thì các bên cùng nhau thống nhất phương án để chuyển đổi mục đích dự án trên tinh thần hợp tác giữa các bên và nếu không có phương án thay thế, các cá nhân trên phải hoàn lại vô điều kiện phần tạm ứng theo biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 25/10/2008.

Vào ngày 09/01/2024, Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom đã có văn bản số 16/TTtr về việc đề nghị UBND thành phố Hà Nội xem xét, chấp thuận để xuất nghiên cứu thực hiện đầu tư theo hình thức tự thỏa thuận, chuyển nhượng Quyền sử dụng đất để thực hiện "dự án xây dựng khu dịch vụ cửa hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội" theo hình thức đầu tư trực tiếp, sử dụng 100% vốn đầu tư trong nước bao gồm vốn của Doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện dự án theo hình thức nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn quyền sử dụng đất.

Ngày 12/01/2024, Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã có văn bản số 533/VP-TNMT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, theo đó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội - Tô trường Tô công tác đặc biệt của UBND thành phố đã có ý kiến chỉ đạo giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, hướng dẫn Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom thực hiện theo quy định. Đến thời điểm lập báo cáo này, các kiến nghị của Công ty vẫn đang được xem xét.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM**

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

MÃU SỐ B09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Công ty CP Tấn Phát (1)	6.000.000.000	-	5.732.000.000	-
- Công ty CP Hạ tầng Đông Á	6.000.000.000	-	-	-
<b>b) Dài hạn</b>				
- Công ty CP Tấn Phát (1)	2.900.000.000	-	6.000.000.000	-
- Cho vay cá nhân (2)	2.900.000.000	-	6.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.900.000.000</b>	<b>-</b>	<b>11.732.000.000</b>	<b>-</b>

(1) Theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2022/VAYVON ngày 10/06/2022 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty CP Tấn Phát. Thời gian cho vay tối đa 2 năm, lãi suất cho vay cố định 5.5%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

(2) Theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2023-ELC-Thanh Nhan ngày 18/12/2023, thời gian cho vay là 2 năm, lãi suất cho vay cố định 7%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Đến thời điểm lập báo cáo này, khoản tiền cho vay đã được thu hồi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	75.979.576.065	6.298.345.048	51.921.358.247	6.261.845.048
- Tạm ứng	11.423.434.170	-	10.625.299.188	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	28.799.450.631	-	26.704.745.166	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	4.955.078.696	-	1.842.395.555	-
- Phải thu khác	30.801.612.568	6.298.345.048	12.748.918.338	6.261.845.048
+ Ông Lại Hữu Thanh (1)	9.500.000.000	-	-	-
+ Ông Hà Quốc Vương (1)	8.826.000.000	-	-	-
+ Nguyễn Phương Hải (CMT 011486928 ngày 11/08/2009)	1.005.750.000	1.005.750.000	1.005.750.000	1.005.750.000
+ Công ty CP CN Vật liệu mới Bắc Kạn	3.539.885.279	3.539.885.279	3.539.885.279	3.539.885.279
+ Công ty CP CN vật liệu mới (ELCOM Industry)	1.716.209.769	1.716.209.769	1.716.209.769	1.716.209.769
+ Công ty CP đầu tư thương mại Bắc Hà (2)	4.000.000.000	-	4.500.000.000	-
+ Các đối tượng khác	2.213.767.520	36.500.000	-	-
b) Dài hạn	47.214.765.957	-	52.500.000	-
- Dự án Trần Phú - Công ty CP Đầu tư & Phát triển Thăng Long Xanh (3)	37.771.500.000	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thanh Trì (4)	5.862.765.957	-	-	-
- Công ty TNHH Dược phẩm Tâm Mỹ An	3.528.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	52.500.000	-	52.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>123.194.342.022</b>	<b>6.298.345.048</b>	<b>51.973.858.247</b>	<b>6.261.845.048</b>

c) Phải thu của khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 41.3

(1) Là khoản phải thu phát sinh từ việc thoái vốn Công ty Cổ phần ISK.

(2) Là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà liên quan đến khoản góp vốn đầu tư vào một dự án bất động sản trong năm 2007 Trong năm 2023, công ty đã thu được số tiền là 500.000.000 VND. Đến thời điểm lập báo cáo này, khoản tiền phải thu này đã được Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà hoàn trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**9. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)**

(3) (4) Công ty đã điều chỉnh khoản hợp tác đầu tư đang được ghi nhận trên tài khoản 228 - Đầu tư vào đơn vị khác về tài khoản 138 - Phải thu khác theo đúng quy định hiện hành. Chi tiết nội dung số dư xem tại thuyết minh 5.3.

**10. NỢ XẤU**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>				
- Công ty CP Thủy sản N.G Việt Nam	12.943.377.077	-	12.943.377.077	5.260.843.526
- Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT-Net)	15.534.200.000	-	15.534.200.000	10.873.940.000
- Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	4.137.656.058	-	4.137.656.058	-
- Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới	4.111.247.702	-	4.111.247.702	-
- Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel -	17.846.327.583	-	17.846.327.583	-
- Các đối tượng khác	20.778.548.445	4.485.199.021	16.293.349.424	2.783.426.717
<b>Cộng</b>	<b>75.351.356.865</b>	<b>4.485.199.021</b>	<b>70.866.157.844</b>	<b>16.134.783.526</b>

**11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	2.532.000	-	2.532.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.787.694.033	-	53.965.020.390	-
Thành phẩm	11.945.865.870	-	11.945.865.870	-
Hàng hóa	59.095.883.389	-	58.016.396.449	-
<b>Cộng</b>	<b>108.831.975.292</b>	<b>-</b>	<b>123.929.814.709</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**12. TÀI SẢN DỮ DANG DÀI HẠN**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</b>	<b>1.568.938.941</b>	<b>246.601.885</b>
- Dự án Phúc Diễn (*)	246.601.885	246.601.885
- Dự án khác	1.322.337.056	-
<b>Mua sắm Tài sản cố định</b>	<b>-</b>	<b>836.363.636</b>
- Mua xe ô tô Mitsubishi	-	836.363.636
<b>Cộng</b>	<b>1.568.938.941</b>	<b>1.082.965.521</b>

(\*) Đây là chi phí xây dựng thực hiện “dự án xây dựng khu dịch vụ cửa hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội”. Chi tiết thông tin dự án xem tại thuyết minh số 7.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>328.864.512</b>	<b>566.663.541</b>
- Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho và chi phí khác	328.864.512	566.663.541
<b>b) Dài hạn</b>	<b>322.918.698.433</b>	<b>6.453.124.855</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.162.695.336	4.249.330.925
- Giá trị lợi thế đầu tư vào công ty con	315.653.891.579	-
- Các khoản khác	2.102.111.518	2.203.793.930
<b>Cộng</b>	<b>323.247.562.945</b>	<b>7.019.788.396</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2023	54.545.454.545	62.287.369.586	14.426.788.545	14.801.297.834	4.132.564.400	150.193.474.910
- Mua trong năm	-	-	4.746.771.799	14.267.216.455	-	19.013.988.254
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.828.849.367)	-	(585.921.018)	(4.414.770.385)
- Tặng do đầu tư vào công ty con	2.713.565.000	-	2.086.292.727	-	-	4.799.857.727
31/12/2023	57.259.019.545	62.287.369.586	17.431.003.704	29.068.514.289	3.546.643.382	169.592.550.506
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2023	(2.181.818.184)	(60.637.766.784)	(7.201.876.275)	(11.959.013.274)	(2.484.011.808)	(84.464.486.325)
- Khấu hao trong năm	(2.250.036.840)	(42.902.800)	(2.171.061.437)	(1.764.324.390)	(345.277.896)	(6.573.603.363)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	3.670.097.417	-	179.031.424	3.849.128.841
- Tặng do đầu tư vào công ty con	(2.059.620.367)	-	(863.243.202)	-	-	(2.922.863.569)
31/12/2023	(6.491.475.391)	(60.680.669.584)	(6.566.083.497)	(13.723.337.664)	(2.650.258.280)	(90.111.824.416)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2023	52.363.636.361	1.649.602.802	7.224.912.270	2.842.284.560	1.648.552.592	65.728.988.585
31/12/2023	50.767.544.154	1.606.700.002	10.864.920.207	15.345.176.625	896.385.102	79.480.726.090

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 85.304.401.936 VNĐ (tại ngày 01/01/2023 là 83.667.741.935)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	TSCĐ vô hình khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2023	9.517.759.684	744.439.881	10.262.199.565
- Mua trong năm	7.447.688.508	-	7.447.688.508
- Thanh lý, nhượng bán	(843.933.736)	-	(843.933.736)
31/12/2023	16.121.514.456	744.439.881	16.865.954.337
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
01/01/2023	(6.332.702.035)	(48.061.178)	(6.380.763.213)
- Khấu hao trong năm	(849.192.185)	-	(849.192.185)
- Thanh lý, nhượng bán	843.933.736	-	843.933.736
31/12/2023	(6.337.960.484)	(48.061.178)	(6.386.021.662)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2023	3.185.057.649	696.378.703	3.881.436.352
31/12/2023	9.783.553.972	696.378.703	10.479.932.675

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 9.344.499.881 VND (tại ngày 01/01/2023 là 8.934.639.881 VND)

**16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa vật kiến trúc <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2023	6.744.124.331	6.744.124.331
- Tăng do hợp nhất	11.427.468.023	11.427.468.023
31/12/2023	<u>18.171.592.354</u>	<u>18.171.592.354</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
01/01/2023	(1.175.762.696)	(1.175.762.696)
- Tăng do hợp nhất	(8.575.186.896)	(8.575.186.896)
31/12/2023	<u>(9.750.949.592)</u>	<u>(9.750.949.592)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2023	<u>5.568.361.635</u>	<u>5.568.361.635</u>
31/12/2023	<u>8.420.642.762</u>	<u>8.420.642.762</u>

- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 3.129.237.304 VND (tại ngày 01/01/2023 là 3.129.237.304 VND)

**Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư:** Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỆN THÔNG ELCOM**

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

MÃ SỐ B09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>474.894.502.331</b>	<b>474.894.502.331</b>	<b>152.545.358.544</b>	<b>152.545.358.544</b>
- Ciena Communications Inc	180.456.183.108	180.456.183.108	66.312.038.876	66.312.038.876
- TWS International Trading Pte Ltd	34.734.128.000	34.734.128.000	33.746.394.000	33.746.394.000
- Công ty TNHH Kết cấu thép 568	70.238.790.846	70.238.790.846	-	-
- Công ty CP Thép Kỳ Nam	32.988.973.233	32.988.973.233	-	-
- Công ty TNHH BST	33.198.509.703	33.198.509.703	-	-
- Comverse Network Ltd	-	-	11.081.696.520	11.081.696.520
- Các đối tượng khác	123.277.917.441	123.277.917.441	41.405.229.148	41.405.229.148
<b>Cộng</b>	<b>474.894.502.331</b>	<b>474.894.502.331</b>	<b>152.545.358.544</b>	<b>152.545.358.544</b>

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>20.148.249.408</b>	<b>20.148.249.408</b>	<b>15.031.379.527</b>	<b>15.031.379.527</b>
- BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Yên Bái	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
- Trung tâm tin học - Bộ KH & đầu tư	-	-	8.758.200.000	8.758.200.000
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng tỉnh Hà Nam	3.689.319.000	3.689.319.000	-	-
- Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	2.600.000.000	2.600.000.000	2.320.725.000	2.320.725.000
- Công ty CP Mopha	2.320.725.000	2.320.725.000	3.952.454.527	3.952.454.527
- Các đối tượng khác	5.538.205.408	5.538.205.408	-	-
<b>Cộng</b>	<b>20.148.249.408</b>	<b>20.148.249.408</b>	<b>15.031.379.527</b>	<b>15.031.379.527</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	Điều chỉnh do hợp nhất	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>					
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.383.071.014	11.762.577.087	4.834.925.481	111.393.515	9.422.116.135
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	27.071.960.628	27.071.960.628	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.916.532.903	2.916.532.903	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.914.726.521	9.435.308.669	4.145.190.273	(13.071.066)	7.191.773.851
- Thuế thu nhập cá nhân	548.047.997	2.783.398.098	2.949.261.424	21.134.937	403.319.608
- Thuế nhà thầu	246.642.506	2.031.252.177	1.037.444.737	-	1.240.449.946
- Các loại thuế khác	114.713.784	6.211.317	7.864.504	-	113.060.597
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	17.900.000	17.900.000	-	-
	<b>5.207.201.822</b>	<b>56.025.140.879</b>	<b>42.981.079.950</b>	<b>119.457.386</b>	<b>18.370.720.137</b>

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	Điều chỉnh do hợp nhất	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>					
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	-	777.778.486	777.778.486
	-	-	-	<b>777.778.486</b>	<b>777.778.486</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM**

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

MÃ SỐ B09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2023		01/01/2023			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	42.456.036.515	42.456.036.515	164.498.423.703	142.293.587.188	20.251.200.000	20.251.200.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long (1)	42.456.036.515	42.456.036.515	144.498.423.703	122.293.587.188	20.251.200.000	20.251.200.000
Vay cá nhân	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>42.456.036.515</b>	<b>42.456.036.515</b>	<b>164.498.423.703</b>	<b>142.293.587.188</b>	<b>20.251.200.000</b>	<b>20.251.200.000</b>

(1) Hợp đồng vay số 166008.23.054.27272.TD ngày 11/10/2023 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Thăng Long và Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom. Hạn mức cấp tín dụng: 350.000.000.000 đồng trong đó:

- Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 đồng
- Hạn mức bảo lãnh thanh toán: 50.000.000.000 đồng
- Hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là: 250.000.000.000 đồng
- Hạn mức bảo lãnh LC là: 50.000.000.000 đồng
- Thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng từ ngày giao kết hợp đồng ngày đến ngày 09/10/2024
- Mục đích cấp tín dụng: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động cung cấp thiết bị, phần mềm và các dịch vụ đi kèm trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, nông nghiệp công nghệ cao của khách hàng.
- Lãi suất, phương pháp tính lãi, nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; chi tiết tại từng lần giải ngân, nhận nợ và thỏa thuận chung.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>714.862.703</b>	<b>3.883.988.415</b>
- Trích trước chi phí thực hiện dự án	527.345.703	3.689.073.746
- Các khoản trích trước khác	187.517.000	194.914.669
<b>Cộng</b>	<b>714.862.703</b>	<b>3.883.988.415</b>

**22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.033.264.089</b>	<b>1.314.471.982</b>
- Doanh thu cho thuê văn phòng	1.903.215.662	1.314.471.982
- Các khoản khác	4.130.048.427	-
<b>Cộng</b>	<b>6.033.264.089</b>	<b>1.314.471.982</b>

**23. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.840.328.424</b>	<b>11.135.254.015</b>
- Kinh phí công đoàn	2.094.611.979	1.802.211.079
- Cổ tức phải trả	730.339.858	730.339.858
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	823.764.713	823.764.713
- Phải trả hợp tác kinh doanh (*)	-	6.930.520.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.191.611.874	848.418.365
<b>b) Dài hạn</b>	<b>9.881.829.700</b>	<b>2.591.698.900</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.951.309.700	2.591.698.900
- Phải trả hợp tác kinh doanh (*)	6.930.520.000	-
<b>Cộng</b>	<b>14.722.158.124</b>	<b>13.726.952.915</b>

(\*) Là khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh của Công ty CP Công nghệ mạng Đông Đô theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐ/ELCOM-DONGDO ngày 24/03/2021 với số tiền là 6.930.520.000 VND. Mục đích của việc hợp tác đầu tư là mua phần vốn góp của Công ty CP Công nghệ VFT.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	-
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	66.565.854.600	-
- <b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>66.565.854.600</b>	<b>-</b>

(\*) Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh khi Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom đã tăng tỷ lệ sở hữu của mình tại Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam từ 35,4% lên 50,5% và Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom điều chỉnh thuế TNDN hoãn lại phải trả khi loại trừ khoản dự phòng đầu tư vào công ty con.

**25. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.295.434.584</b>	<b>2.639.081.476</b>
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	2.295.434.584	2.639.081.476
<b>b) Dài hạn</b>	<b>7.932.484.993</b>	<b>6.451.085.823</b>
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	7.932.484.993	6.451.085.823
<b>Cộng</b>	<b>10.227.919.577</b>	<b>9.090.167.299</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

## 26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

## 26.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND							
01/01/2022	509.282.430.000	86.677.010.000	(1.349.334.820)	41.410.255.576	5.200.000.000	213.858.698.235	13.306.565.331	868.385.624.322	
- Tăng vốn trong năm trước	78.506.000.000	-	-	-	-	(76.389.470.000)	-	2.116.530.000	
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	31.307.103.517	6.065.549.410	37.372.652.927	
- Tăng khác	-	82.108.536	-	-	-	-	6.110.000.000	6.192.108.536	
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(1.349.334.820)	1.349.334.820	-	-	-	-	-	
- Phân phối lợi nhuận + Trích quỹ KGPL	-	-	-	-	-	(2.400.000.000)	-	(2.400.000.000)	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(227.869.960)	(227.869.960)	
31/12/2022	587.788.430.000	85.409.783.716	-	41.410.255.576	5.200.000.000	166.376.331.752	25.254.244.781	911.439.045.825	
01/01/2023	587.788.430.000	85.409.783.716	-	41.410.255.576	5.200.000.000	166.376.331.752	25.254.244.781	911.439.045.825	
- Tăng vốn trong năm nay (1)	235.112.340.000	(85.409.783.716)	-	(31.000.000.000)	-	(118.702.556.284)	1.500.000.000	1.500.000.000	
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	77.651.944.753	6.668.891.299	84.320.836.052	
- Phân phối lợi nhuận (2)	-	-	-	-	-	(2.200.000.000)	(1.646.504.504)	(3.846.504.504)	
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.200.000.000)	(100.000.000)	(2.300.000.000)	
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(1.546.504.504)	(1.546.504.504)	
- Điều chỉnh khi thoái vốn công ty con	-	-	-	-	-	290.455.637	(7.281.597.395)	(6.991.141.758)	
- Điều chỉnh do đầu tư thêm vào công ty con	-	-	-	-	-	(22.746.000)	167.473.525.118	167.450.779.118	
- Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	(788)	(1.716.079.860)	(1.716.080.648)	
31/12/2023	822.900.770.000	-	-	10.410.255.576	5.200.000.000	123.393.429.070	190.252.479.439	1.152.156.934.085	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**26.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

(1) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/10/2023, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 02-11/2023/NQ-HĐQT ngày 02/11/2023 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền 100:40 (một cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 40 cổ phiếu mới). Số cổ phiếu dự kiến được phát hành thêm là 23.511.537 cổ phiếu. Ngày kết thúc đợt phát hành là ngày 07/12/2023.

Nghị quyết số 02-12/2023/NQ-HĐQT ngày 13/12/2023 của Hội đồng quản trị đã thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, tổng số cổ phiếu được phát hành thêm là 23.511.234 cổ phiếu.

(2) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023

**26.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Ông Phan Chiến Thắng	65.869.170.000	55.049.410.000
- Ông Trần Hùng Giang	48.113.800.000	34.367.010.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	47.460.570.000	34.126.410.000
- Cổ đông khác	661.457.230.000	464.245.600.000
<b>Cộng</b>	<b><u>822.900.770.000</u></b>	<b><u>587.788.430.000</u></b>

**26.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỐ TỨC**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	587.788.430.000	509.282.430.000
+ Vốn góp tăng trong năm	235.112.340.000	78.506.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	822.900.770.000	587.788.430.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.546.504.504	-

**26.4 CỔ PHIẾU**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	82.290.077	58.778.843
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	82.290.077	58.778.843
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	82.290.077	58.778.843
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	82.290.077	58.778.843
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	82.290.077	58.778.843
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
<i>a) Ngoại tệ các loại:</i>		
Dollar Mỹ (USD)	51.999	78.501,11
<i>b) Nợ khó đòi đã xử lý:</i>		
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	18.501.213.727	18.307.777.778

**28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Doanh thu</b>	<b>980.089.882.652</b>	<b>863.331.702.038</b>
- Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	70.560.086.005	43.585.251.850
- Doanh thu bán hàng hóa	807.021.055.030	740.563.710.869
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	102.508.741.617	79.182.739.319
<b>Cộng</b>	<b>980.089.882.652</b>	<b>863.331.702.038</b>

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 41.3

**29. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giảm giá hàng bán	240.000	48.264.438
<b>Cộng</b>	<b>240.000</b>	<b>48.264.438</b>

**30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Giá vốn bán thành phẩm phần mềm	10.485.545.464	7.526.327.854
- Giá vốn bán hàng hóa	733.275.937.883	681.234.627.904
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	42.596.473.687	34.030.251.658
<b>Cộng</b>	<b>786.357.957.034</b>	<b>722.791.207.416</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.053.171.626	42.682.299.846
- Lãi bán các khoản đầu tư	2.711.686.927	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	802.371.125	74.240.000
- Chứng khoán kinh doanh	-	39.440.054
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.325.393.663	5.123.706.537
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	167.118.966
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	34.300.972.483	-
<b>Cộng</b>	<b>53.193.595.824</b>	<b>48.086.805.403</b>

**32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí lãi vay	3.715.807.784	38.307.770.019
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.428.839.773	614.077.435
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	772.479.766	-
- Dự phòng tổn thất đầu tư	(1.072.072.622)	(342.150.998)
- Chi phí tài chính khác	199.654	12.377.368
<b>Cộng</b>	<b>8.845.254.355</b>	<b>38.592.073.824</b>

**33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>92.865.234.126</b>	<b>57.631.718.055</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	40.617.871.871	32.695.874.277
- Chi phí đồ dùng văn phòng	4.195.503.654	-
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	4.937.967.920	2.550.306.561
- Chi phí dự phòng	28.757.974.501	6.555.028.454
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.720.584.545	9.054.285.368
- Chi phí bằng tiền khác	5.635.331.635	6.776.223.395
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>46.289.273.562</b>	<b>44.995.293.772</b>
- Chi phí nhân viên	30.134.837.252	29.279.300.541
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.272.665.727	1.188.655.506
- Chi phí dự phòng bảo hành	2.843.229.375	588.139.028
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.271.577.330	12.845.796.673
- Chi phí bằng tiền khác	766.963.878	1.093.402.024
<b>Cộng</b>	<b>139.154.507.688</b>	<b>102.627.011.827</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**34. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	796.521.271	266.327.863
- Các khoản khác	183.741.487	677.171.345
	<b>980.262.758</b>	<b>943.499.208</b>

**35. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí chuyển nhượng BĐS	-	651.745.195
- Các khoản chi phí khác	1.226.623.095	1.204.284.224
	<b>1.226.623.095</b>	<b>1.856.029.419</b>

**36. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, hàng hoá	223.685.918.701	276.952.852.269
- Chi phí nhân công	73.615.694.090	68.146.160.685
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.422.795.548	6.201.226.351
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.871.887.651	64.694.851.187
- Chi phí bảo hành, dự phòng phải thu khó đòi	31.601.203.876	6.593.027.482
- Chi phí bằng tiền khác	27.153.939.655	25.123.360.949
Cộng	<b>424.351.439.521</b>	<b>447.711.478.923</b>

**37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom	8.299.359.089	8.124.103.069
- Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	-	-
- Công ty CP Elcom Plus	47.681.437	85.894.885
- Công ty CP Elcom Prime	777.098.786	590.649.385
- Công ty CP Tập đoàn Thương mại Hà Nội	109.098.659	78.876.607
- Công ty TNHH VTS Hải Phòng	201.543.966	215.587.138
- Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	-	-
Cộng	<b>9.434.781.937</b>	<b>9.095.111.084</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

**38.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	77.651.944.754	31.307.103.517
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	59.616.229	51.751.016
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	<b>1.303</b>	<b>605</b>

**38.2 LỢI NHUẬN THUẬN THUỘC VỀ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận thuần trong năm	77.651.944.754	31.307.103.517

**38.3 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN ĐANG LƯU HÀNH**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	58.778.843	50.928.243
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	23.511.234	7.850.600
<b>Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành</b>	<b>59.616.229</b>	<b>51.751.016</b>

**39. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**40. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Tổng Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lĩnh vực bán thành phẩm phần mềm: Bán các sản phẩm phần mềm.
- Lĩnh vực bán thép: Kinh doanh buôn bán thép.
- Lĩnh vực bán hàng hóa: Bán các thiết bị phục vụ dự án.
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ: Dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Các hoạt động kinh doanh ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam của Công ty chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và các giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỆN THÔNG ELCOM**

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**MÃ SỐ B09-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**40. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

**Năm 2023**

	<b>Thành phẩm phần mềm</b>	<b>Bán thép</b>	<b>Bán hàng hóa</b>	<b>Cung cấp dịch vụ</b>	<b>Cộng</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	70.560.086.005	250.215.374.429	556.805.440.601	102.508.741.617	980.089.642.652
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>70.560.086.005</b>	<b>250.215.374.429</b>	<b>556.805.440.601</b>	<b>102.508.741.617</b>	<b>980.089.642.652</b>
Chi phí bộ phận	(10.485.545.464)	(244.023.723.064)	(489.252.214.819)	(42.596.473.687)	(786.357.957.034)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	60.074.540.541	6.191.651.365	67.553.225.782	59.912.267.930	193.731.685.618
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(139.154.507.688)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					54.577.177.930
Doanh thu hoạt động tài chính					53.193.595.824
Chi phí tài chính					(8.845.254.355)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					(1.785.833.428)
Thu nhập khác					980.262.758
Chi phí khác					(1.226.623.095)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(9.434.781.937)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(3.137.707.645)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>84.320.836.052</b>
<b>Tài sản không phân bổ</b>					<b>1.821.114.066.062</b>
<b>Nợ phải trả không phân bổ</b>					<b>668.957.131.977</b>
<b>Tổng chi phí mua TSCĐ</b>					<b>12.321.482.463</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**40. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Năm 2022

	Thành phẩm phần mềm	Bán thép	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	43.585.251.850	290.447.077.001	450.068.369.430	79.182.739.319	863.283.437.600
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>43.585.251.850</b>	<b>290.447.077.001</b>	<b>450.068.369.430</b>	<b>79.182.739.319</b>	<b>863.283.437.600</b>
Chi phí bộ phận	(7.526.327.854)	(281.987.236.936)	(399.247.390.968)	(34.030.251.658)	(722.791.207.416)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	36.058.923.996	8.459.840.065	50.820.978.462	45.152.487.661	140.492.230.184
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(102.627.011.827)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					37.865.218.357
Doanh thu hoạt động tài chính					48.086.805.403
Chi phí tài chính					(38.592.073.824)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					75.661.559
Thu nhập khác					943.499.208
Chi phí khác					(1.856.029.419)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(9.095.111.084)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(55.317.273)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>37.372.652.927</b>
<b>Tài sản không phân bổ</b>					<b>1.144.875.781.365</b>
<b>Nợ phải trả không phân bổ</b>					<b>233.436.735.540</b>
<b>Tổng chi phí nua TSCĐ</b>					<b>5.341.392.727</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 41. THÔNG TIN KHÁC

#### 41.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty CP Công nghệ VFT	Công ty liên kết
- Công ty CP Antani Holdings	Cùng thành viên HĐQT
- Công ty NPT Solutions INC	Ông Phan Đức Trung - GD Công ty INC là con trai của Chủ tịch HĐQT
- Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC	Ngô Trọng Hiếu TGD Công ty - em trai của Phó TGD Ngô Ngọc Hà
- Công ty CP đầu tư thương mại & phát triển Dịch vụ Việt Nam	Ông Nguyễn Văn Hòa là đại diện theo Pháp luật của Công ty CP đầu tư TM & PT Dịch vụ Việt Nam và là Phó Tổng Giám đốc của Công ty CP Công nghệ - Viễn thông ELCOM
- Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT
- Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	Vợ Ông Phan Chiến Thắng - Chủ tịch HĐQT

#### 41.2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

<u>Công ty CP Công nghệ VFT</u>	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Mua hàng hóa, dịch vụ	132.188.980	16.500.000
+ Giá trị DV thuê kho chưa có thuế GTGT	120.171.800	15.000.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	12.017.180	1.500.000
- Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ	132.188.980	16.500.000
<b>Công ty CP Atani Holdings</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Lãi chậm thanh toán	16.055.400	364.471.229
- Nhận tiền lãi chậm thanh toán	39.508.060	341.018.569
- Thu tiền cho thuê văn phòng	2.100.437.591	4.200.000.000
<b>Công ty NPT Solutions INC</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua trong kỳ	1.811.812.500	2.419.725.600
- Thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ	1.805.625.000	2.414.269.350
<b>Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Mua hàng hóa, dịch vụ	471.610.031	284.522.610
+ Giá trị DV thuê Server, DV cước Cloud chưa có thuế GTGT	428.736.392	258.656.918
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	42.873.639	25.865.692
- Thanh toán tiền dịch vụ	471.610.031	259.223.188

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**41. THÔNG TIN KHÁC**

**41.2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Công ty CP đầu tư thương mại & PT dịch vụ Việt Nam	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	217.800.000	108.900.000
+ Giá trị thuê xe ô tô chưa có thuế GTGT	198.000.000	99.000.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	19.800.000	9.900.000
- Thanh toán tiền dịch vụ	217.800.000	108.900.000

**41.3. SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	31/12/2023	01/01/2023
<b>Phải thu của khách hàng</b>		
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	597.770.779	597.770.779
Công ty CP Atani Holdings	-	2.100.437.591
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Ông Trần Hùng Giang	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	5.980.000.000	5.980.000.000
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	3.539.885.279	3.539.885.279

**41.4. THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN QUẢN LÝ CHỦ CHỐT**

Năm 2023	Chức vụ	Tổng thu nhập VND
<b>HĐQT và Ban Giám đốc</b>		
- Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	285.500.000
- Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT	177.205.000
- Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT	177.205.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	177.205.000
- Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	446.973.070
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	120.000.000
- Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên HĐQT	120.000.000
- Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	455.673.000
- Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	461.227.273
<b>Ban Kiểm soát</b>		
- Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng ban	334.900.000
- Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên	328.021.000
- Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên	36.000.000
<b>Kế toán trưởng</b>		
- Bà Đậu Thị Lý	Kế toán trưởng (bỏ nhiệm từ 19/05/2023)	268.122.727
- Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng (miễn nhiệm từ 19/05/2023)	227.640.000
<b>Cộng</b>		<b>3.615.672.070</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**41. THÔNG TIN KHÁC**

**41.4. THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN QUẢN LÝ CHỦ CHỐT (TIẾP)**

Năm 2022	Chức vụ	Tổng thu nhập VND
<b>HĐQT và Ban Giám đốc</b>		
- Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	222.500.000
- Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT	144.500.000
- Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT	144.500.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	144.500.000
- Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	386.900.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	120.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	40.000.000
- Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên HĐQT	80.000.000
- Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	389.300.000
- Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	-
<b>Ban Kiểm soát</b>		
- Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng ban	315.880.000
- Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên	304.757.600
- Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên	36.000.000
<b>Kế toán trưởng</b>		
- Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng	556.008.000
<b>Cộng</b>		<b>2.884.845.600</b>

**42. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

  
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

  
Đặng Thị Lý

Tổng Giám đốc

  
Phạm Minh Thắng

